

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số : 08/ 2011/TT-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình nhận miễn giảm đào tạo,

đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quy chế nhận miễn giảm đào tạo

trình đại học, trình đại cao đẳng

Căn c Lu t Giáo d c ngày 14 tháng 6 năm 2005; Lu t s a đ i, b sung m t s đ i u c a Lu t Giáo d c ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn c Ngh đ nh s 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 c a Chính ph quy đ nh ch c năng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a b , c quan ngang b ;

Căn c Ngh đ nh s 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 c a Chính ph quy đ nh ch c năng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a B Giáo d c và Đào t o;

Căn c Ngh đ nh s 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 c a Chính ph quy đ nh trách nhi m qua n lý nhà n c v e giáo d c;

Căn c Quy t đ nh s 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 c a Th t ng Chính ph ban hành Đ i u l tr ng đ i h c;

Căn c Thông t số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 c a B tr ng B Giáo d c và Đào t o ban hành Điều l tr ng cao đ ã ng;

Theo đ ngh c a V tr ng V Giáo d c Đ i h c,

B tr ng B Giáo d c và Đào t o quy đ nh đ i u ki n, h s , quy trình m ngành đào t o, đ i nh ch tuy n sinh, thu h i quy t đ nh m ngành đào t o trình đ đ i h c, trình đ cao đ ã ng, nh sau:

Đi u 1. Phạm vi đi u ch nh và đi i t ng áp d ng

1. Văn b n này quy đ nh đi u ki n, h s , quy trình m ng ngành đào t o, đ nh ch t uy n sinh, thu h i quy t đ nh m ng ngành đào t o trình đ đ i ho c, trình đ cao đ ã ng.
2. Văn b n này áp d ng đ i v i các đ i ho c, các h c vi n, tr ng đ i h c, tr ã ng cao đ ã ng (sau đây g i chung là c s đào t o), các s giáo du c và đào ta o, các t ch c và cá nh n có liên quan.

Đi u 2. Đi u ki n đ c xem xét đê m ng nh ngành đào t o trình đ đ i ho c

Các đ i ho c, h c vi n, tr ng đ i h c đ c xem xét đê m ng ngành đào t o trình đ đ i ho c khi b o đ m các đi u ki n sau đây:

1. Có đ i ngũ gi ng viên c h u đ m nh n gi ng d y t i thi u 70% kh i l ng c a ch ng trình đào t o, trong đó có ít nh t 01 gi ng viên có trình đ ti n sĩ và 03 gi ng viên có trình đ th c sĩ đ ng ngành đ ã ng ký.
2. Có ch ng trình đào t o cu a ngành đ ã ng ký đào ta o và đ c ng chi ti t các ho c phân/môn h c trong ch ng trình đào ta o đ c xây d ng theo quy đ nh t i Phụ lu c IV cu a Thông t này.

Tên ngành đào t o có trong Danh m c giáo du c đào ta o cấp IV trình đ đ i ho c, cao đ ã ng do B Giáo d c và Đào t o ban hành.

Tr ng h p tên ngành đào t o ch a có trong Danh m c giáo du c đào ta o cấp IV trình đ đ i

học, các học viên, trường đại học phải trình bày luận văn khoa học về ngành đào tạo mới đã được Hội đồng khoa học đào tạo thông qua; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo tham khảo có ít nhất 2 trường đại học đã được công bố để tham khảo ngoài.

3. Có các số viết tắt, trang thiết bị báo để đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo trình độ đại học, các trường:

a) Có phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, các số sản xuất thực nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo;

b) Thư viện của trường có phòng tra cứu thông tin, có phòng mượn và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tài liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần/môn học, các tài liệu liên quan, có tạp chí trong và ngoài nước được xuất bản trong 10 năm trở lại đây đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo;

c) Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giảng dạy, thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên;

d) Website của trường được cập nhật thông tin xuyên suốt, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính.

4. Có đội ngũ quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ qua lý thuyết đào tạo tạo trình độ đại học. Có quy chế học tập và hoạt động của nhà trường báo để trình khai ngành đào tạo.

5. Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, học tập và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày của ngành đào tạo nộp hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo.

6. Ngành đăng ký đào ta o phù h p v i quy hoa ch phát tri n nguồn nhân l c cu a ngành, đi a ph ng, vùng và quốc gia.

Đi u 3. Đi u ki n đ c xem xe t đ m nga nh đào t o trình đ cao đ ã ng

1. Tr ng cao đ ã ng đ c xem xét đ m ngành đào t o trình đ cao đ ã ng khi b o đ m các đi u ki n sau đây:

a) Có đ i ngũ gi ng viên c h u đ m nh n gi ng d y t i thi u 70% kh i l ng c a ch ng trình đào t o, trong đó có ít nh t 4 gi ng viên có trình đ tha c sĩ đúng ngành đăng ký;

b) Có ch ng trình đào t o cu a ngành đăng ký đào ta o và đ c ng chi ti t các ho c phân/môn h c trong ch ng tr ã đào ta o đ c xây d ng theo quy đ nh tại Phụ lu c IV cu a Thông t này.

Tên ngành đào t o có trong Danh m c giáo d c đào ta o cấp IV trình đ đ i ho c, cao đ ã ng do B Giáo d c và Đào t o ban hành.

Tr ng h p tên ngành đào t o ch a có trong Danh m c giáo d c đào ta o cấp IV trình đ cao đ ã ng, tr ng cao đ ã ng ph i trình bày lu n c khoa h c v ngành đào t o m i đã đ c H i đ ng khoa h c đào t o thông qua; th c ti n và kinh nghi m đào t o c a m t s n c trên th gi i, kèm theo ch ng trình đào t o tham kh o c a ít nhất 02 tr ng đ i ho c ho c tr ng cao đ ã ng đã đ c ki m đ nh n c ngoài;

c) Có c s v t ch t, trang thi t b b o đ m đáp ng yêu c u cu a ngành đào t o trình đ cao đ ã ng, c th :

- Có đ gia ng đ ng, phòng h c, phòng ch c năng, c s thí nghi m, x ng th c hành, th c

tập với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các học phân/môn học trong chương trình đào tạo;

- Thư viện của trường có phòng tra cứu thông tin, có phòng mượn và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có nguồn thông tin tài liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phân, các tài liệu liên quan; có tập chí trong và ngoài nước được xuất bản trong 10 năm trở lại đây, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập các học phân/môn học trong chương trình đào tạo;

- Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên; phòng làm việc cho giảng viên, cán bộ của trường để phục vụ công tác quản lý, đào tạo;

- Website của trường được cập nhật thông tin xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính;

d) Có đội ngũ quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ cao đẳng. Có quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được triển khai ngành đào tạo;

đ) Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong thời hạn 3 năm tính đến ngày cấp giấy đào tạo nộp hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo;

e) Ngành đăng ký đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của vùng và địa phương.

2. Trường đưa ra học, học viên được mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng khi ngành đó đã được mở ngành trình độ đại học theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc theo quyết định của Giám đốc các đại học đối với các đại học được phân cấp theo Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21/6/2005 của Bộ trưởng

Bộ Giáo d c và Đào ta o.

Đi u 4. Th m quy n quyê t đ nh m ng nh đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng

1. B tr ng B Giáo d c và Đào t o quy t đ nh m ng ngành đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng khi c s đào t o b o đ m các đi u ki n quy đ nh t i Đi u 2, Đi u 3 c a Thông t này. Vi c m ng ngành đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng trong nh ng tr ng h p đ c bi t do B tr ng B Giáo d c và Đào t o xem xét quy t đ nh.

2. Đối v i các đa i ho c đ c c Bộ tr ng Bộ Giáo d c và Đào ta o phân cấp theo Quyết đ nh số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21/6/2005, Giám đốc các đa i ho c đ c c quy t đ nh m ng ngành đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng khi c s đào ta o b o đ m các đi u ki n quy đ nh t i Đi u 2, Đi u 3 c a Thông t này.

Đi u 5. H s đă ng ký m ng nh đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng

Khi có đ u các đi u kiê n m ng ngành đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng quy đ nh ta i Đi u 2, Đi u 3 cu a Thông t này, c s đào ta o xây d ng h s m ng ngành đào ta o, bao gồm:

1. T trình đă ng ký m ng ngành đào t o c a c s đào t o (Ph l c I).

2. Đê án đă ng ký m ng ngành đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng (Phu lu c II), bao gồm các nô i dung: S cân thiết m ng ngành đào ta o; năng l c c a c s đào t o; ch ng trình đào ta o c a ngành đă ng ký đào ta o; lý li ch khoa ho c và các tài liê u, minh ch ng kèm theo.

3. Biên b n thông qua đê án đă ng ký m ng ngành đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng cu a H i đ ng Khoa h c và Đào t o c a c s đào t o.

4. Biên bản kiểm tra và xác nhận các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị, thành viên phục vụ đào tạo ngành đăng ký đào tạo của sở giáo dục và đào tạo địa phương (Phụ lục VI).

5. Biên bản thẩm định nội dung trình đào tạo của Hội đồng thẩm định nội dung trình đào tạo của sở đào tạo đối với cơ sở đào tạo được phép tạm thời chấp thuận nội dung trình đào tạo hoặc của một cơ sở đào tạo có uy tín do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định đối với cơ sở đào tạo không được phép tạm thời chấp thuận nội dung trình đào tạo (Phụ lục VII).

Hội sở được lập thành 3 bộ.

Điều 6. Quy trình xem xét thẩm định nội dung đào tạo trình cấp địa phương, trình cấp cao đẳng

1. Cơ sở đào tạo có quy mô 03 bộ hồ sơ đến sở giáo dục và đào tạo, nơi trực tiếp quản lý để nghị kiểm tra thực tế và xác nhận các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thành viên của cơ sở đào tạo. Đồng thời, gửi công văn đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tạm thời chấp thuận nội dung trình đào tạo (Phụ lục VIII) hoặc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một cơ sở đào tạo có uy tín tạm thời chấp thuận nội dung trình đào tạo.

2. Kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu, trang thiết bị, thành viên phục vụ đào tạo của ngành đăng ký đào tạo

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, giám đốc sở giáo dục và đào tạo ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra. Thành phần đoàn kiểm tra gồm: 01 đại diện Ban giám đốc sở (Trưởng đoàn), 01 đại diện lãnh đạo phòng Tổ chức cán bộ và 1 chuyên viên (làm nhiệm vụ thủ ký).

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đối chiếu các nội dung kê khai trong hồ sơ với các điều

kiến trúc sư: bằng cấp của trường, số báo hiệu của gia đình, văn bằng, chứng chỉ của gia đình, trang thi đấu, thành viên và lập biên bản kiểm tra (Phụ lục VI).

b) Căn cứ vào biên bản kiểm tra, giám đốc sở giáo dục và đào tạo xác nhận thẩm tra vào các bằng biên bản báo cáo về năng lực của các đào tạo (Phụ lục III) trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo của các đào tạo.

3. Các đào tạo được phép tạm thời chấp nhận chương trình đào tạo

a) Các đào tạo được phép tạm thời chấp nhận chương trình đào tạo trình độ đại học khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã thành lập được trên 5 năm và có ít nhất 1 khóa sinh viên chính quy đã tốt nghiệp;

- Có ít nhất 5 giảng viên có bằng tiến sĩ, trong đó có ít nhất 1 giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học.

b) Các đào tạo được phép tạm thời chấp nhận chương trình đào tạo trình độ cao đẳng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đã thành lập được trên 5 năm và có ít nhất 1 khóa sinh viên chính quy đã tốt nghiệp;

- Có ít nhất 5 giảng viên có bằng thạc sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 2 giảng viên có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng;

4. Các các đào tạo không được phép tạm thời chấp nhận chương trình đào tạo khi:

a) Không ba o đ m đ u các đi u ki n n khoa n 2 Đi u này;

b) Khi đ ăng ký m ngành đào t o trình đ đ i ho c, trình đ cao đ ăng nh ng ngành ch a có trong Danh m c giáo d c và Đào t o cấp IV;

c) Đ ă có vi pha m trong quá trình t th m đ nh ch ng trình đào t o.

Các c s này g i công văn đ nghi B Giáo d c và Đào t o chi đ nh mô t c s đào t o có uy tín đ th m đ nh ch ng trình đào t o.

5. C s đào t o đ c B Giáo d c và Đào t o chi đ nh th m đ nh ch ng trình đào t o trình đ đ i ho c, trình đ cao đ ăng cho c s đào t o khác khi có đ u các đi u ki n sau đ y:

a) C s đào t o đ c chi đ nh th m đ nh ch ng trình đào t o trình đ đ i ho c:

- Có ít nhất 5 gia ng viên c h u có bằng tiến sĩ, trong đó có ít nhất 1 giáo s ho ă c phó giáo s ho ă c tiến sĩ khoa ho c đ ng ngành v i ngành đ ăng ký m ngành đào t o trình đ đ i ho c;

- Đ ăng tri n khai đào t o trình đ đ i ho c ngành cân th m đ nh và có ít nhất 5 khóa sinh viên h chính quy cu a ngành cân th m đ nh đ ă tốt nghi p. Trong tr ng h p ngành ch a có trong danh m c giáo d c và Đào t o cấp IV thì B Giáo d c và Đào t o sẽ chi đ nh mô t c s đào t o có uy tín đ ă đào t o các ngành trong cùng khối ngành đ th m đ nh ch ng trình đào t o.

b) C s đào t o đ c chi đ nh th m đ nh ch ng trình đào t o trình đ cao đ ăng:

- Có ít nhất 5 giảng viên có bằng thạc sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 2 giảng viên có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư đứng ngành với ngành đăng ký môn ngành đào tạo trình độ cao đẳng;

- Đang triển khai đào tạo trình độ cao đẳng ngành cần tham gia và có ít nhất 5 khóa sinh viên của ngành cần tham gia đã tốt nghiệp. Trong trường hợp ngành chưa có trong danh mục giáo dục đào tạo cấp IV thì Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ định một số đào tạo có uy tín đã đào tạo các ngành trong cùng khối ngành để tham gia chỉ định trình độ đào tạo.

6. Quy trình tham gia chỉ định trình độ đào tạo

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức tham gia chỉ định trình độ đào tạo hoặc chỉ định một số đào tạo có uy tín để tham gia chỉ định trình độ đào tạo, các đào tạo tiến hành thực hiện các công việc sau:

a) Nếu các đào tạo được phép tổ chức tham gia chỉ định trình độ đào tạo, thu thập các đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng tham gia và tổ chức họp Hội đồng tham gia để tham gia chỉ định trình độ đào tạo của các mình.

b) Nếu các đào tạo không được phép tổ chức tham gia, sau khi nhận được ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các đào tạo gửi 5 bộ chỉ định trình độ đào tạo đến các đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định để tham gia chỉ định trình độ đào tạo. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ gửi công văn chỉ định các đào tạo làm nhiệm vụ tham gia chỉ định trình độ đào tạo của các đào tạo khác và nhận được chỉ định trình độ đào tạo của các đào tạo để tham gia, thu thập các đào tạo được chỉ định làm nhiệm vụ tham gia để ra quyết định thành lập Hội đồng tham gia và tổ chức họp Hội đồng tham gia để tham gia chỉ định trình độ đào tạo.

c) Hội đồng tham gia

- Hội đồng thẩm định nghiệp vụ trình đào tạo ở trình độ đại học gồm 5 thành viên, có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ thuộc ngành đăng ký mở ngành đào tạo. Hội đồng thẩm định gồm chủ tịch, hai phó n biên, thư ký và ủy viên.

- Hội đồng thẩm định nghiệp vụ trình đào tạo ở trình độ cao đẳng gồm 5 thành viên, các thành viên phải có bằng thạc sĩ trở lên, trong đó có ít nhất 2 thành viên có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư đúng ngành với ngành đăng ký mở ngành đào tạo ở trình độ cao đẳng. Hội đồng thẩm định gồm chủ tịch, hai phó n biên, thư ký và ủy viên, trong đó chủ tịch Hội đồng là người có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ hoặc có chức danh khoa học là giáo sư hoặc phó giáo sư.

d) Nội dung và cách thức tiến hành phiên họp của Hội đồng thẩm định nghiệp vụ trình đào tạo được quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này.

Sau khi nghe đại diện của cơ sở đào tạo có ngành cần thẩm định trình bày báo cáo, các thành viên hội đồng đặt câu hỏi, cơ sở đào tạo giải trình, các thành viên hội đồng thảo luận và bỏ phiếu kín. Hội đồng thẩm định lập biên bản thẩm định.

Thu trưởng cơ sở đào tạo làm nhiệm vụ thẩm định xác nhận vào biên bản của Hội đồng thẩm định (Phụ lục VII) và vào chứng trình đào tạo (Phụ lục IV) trong hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo ở trình độ đại học, trình độ cao đẳng của cơ sở đào tạo.

7. Kinh phí để sở giáo dục và đào tạo thực hiện kiểm tra và kinh phí tổ chức thẩm định của Hội đồng thẩm định do cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo chi trả theo quy định hiện hành.

8. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này, cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo ở trình độ đại học, trình độ cao đẳng gửi Hồ sơ đến Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Việc xem xét hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo ở trình độ đại học, trình độ cao đẳng

đăng ký thi vào tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 hàng năm.

b) Nếu hộ số đăng ký môn ngành đào tạo cụ thể của số đào tạo hoặc đã đáp ứng các điều kiện và đạt yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 các tháng trên, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định môn ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

c) Nếu hộ số đăng ký môn ngành đào tạo cụ thể của số đào tạo hoặc đã đáp ứng các điều kiện theo quy định, nhưng vẫn còn một số nội dung cần phải hoàn thiện, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 các tháng trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho số đào tạo kết quả tham dự và hướng nội dung cần hoàn thiện. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của số đào tạo, nếu số đào tạo đáp ứng các điều kiện theo quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định môn ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

d) Nếu hộ số đăng ký môn ngành đào tạo cụ thể của số đào tạo chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày mùng 1 các tháng trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản kết quả tham dự, tình trạng hộ số và đề nghị số đào tạo tiếp tục chuẩn bị các điều kiện.

9. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thanh tra, kiểm tra, thẩm định lại nội dung số đào tạo.

Điều 7. Đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

1. Số đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không báo cáo một trong các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 của Thông tin này;

b) Không tuyển sinh trong 3 năm liên tiếp;

c) Tô chức tuyển sinh và đào tạo ngoài địa phương được phép đào tạo;

d) Người cho phép mở ngành không đúng thẩm quyền;

đ) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục hoặc vi phạm hành chính mà chưa phải đình chỉ;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Người có thẩm quyền cho phép mở ngành đào tạo có thẩm quyền quy định định chế tuyển sinh. Quy định định chế tuyển sinh ngành đào tạo phải xác định rõ lý do định chế tuyển sinh, quy định rõ thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp khắc phục đối với sinh viên và gia đình.

3. Trình tự, thủ tục đình chỉ tuyển sinh hoặc cho phép tuyển sinh như sau:

a) Khi phát hiện có sự đào tạo vi phạm mô tả trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra đánh giá mức độ vi phạm;

b) Căn cứ vào mức độ vi phạm của sự đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo;

c) Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh đã khắc phục và có hồ sơ đề nghị được tuyển sinh trở lại của sự đào tạo thì người có thẩm quyền quyết định đình chỉ tuyển sinh ra quyết định cho phép sự đào tạo được

tuyển sinh

trường. Trong trường hợp chấp hành cho phép tuyển sinh trường lại, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản thông báo cho các sở đào tạo biết rõ lý do và hướng giải quyết;

d) Hồ sơ đề nghị được phép tuyển sinh trường lại, bao gồm:

- Trình cho phép tuyển sinh trường lại;

- Báo cáo giải trình việc khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh, kèm theo các minh chứng.

Điều 8. Thủ tục quy định ngành nghề đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng

1. Các sở đào tạo ban hành quy định ngành nghề đào tạo khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi gian lận để được mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý, tổ chức, đào tạo tại các sở đào tạo;

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo mà không khắc phục được nguyên nhân đình chỉ đình chỉ tuyển sinh;

d) Không đạt tiêu chuẩn tại các kỹ năng định hướng (kỹ năng cơ sở đào tạo, kỹ năng định hướng công nghệ trình độ) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Vi ph m quy đ nh c a pháp lu t v giáo d c b x ph t vi ph m hành chính m c đ ph i thu h i;

e) Các tr ng h p khác theo quy đ nh c a pháp lu t.

2. Quy t đ nh thu h i quyết đ nh m ngành đào ta o ph i xác đ nh rõ lý do thu h i, các bi n pháp đ m b o quy n i c a sinh viên, gia ng viên.

3. Ng i có th m quyền m ngành đào ta o có th m quy n thu h i quy t đ nh m ngành đào t o.

4. Trình t , thu tu c thu h i quyết đ nh m ngành đào ta o:

a) Khi c s đào ta o vi pha m mô t trong nh ng tr ng h p quy đ nh ta i khoa n 1 Điều này, Bộ Giáo d c và Đào ta o tô ch c ki m tra đê đánh giá m c đ vi pha m;

b) Căn c v vào m c đ vi pha m, Bộ tr ng Bộ Giáo d c và Đào ta o ra quyết đ nh thu h i quyết đ nh m ngành đào ta o.

Đi u 9. Trách nhi m và quyê n c a s gia o du c và đ o ta o

1. Tô ch c ki m tra và xác nh n các điều kiê n th c tế vê đ i ngũ gia ng viên c h u, trang thiết bi phu c vụ đào ta o, th viê n khi các c s đào t o đê nghi .

2. Đ c quyền xem xét các h s , tài liê u có liên quan đên đ i ngũ gia ng viên, trang thiết bi phu c vụ đào ta o, th viê n cu a c s đào ta o và đ c quyền yêu cầu c s đào ta o cung cấp các tài liê u, thông tin liên quan.

3. Chi u trách nhiê m vê s trung th c và tính chính xác cu a các kết quả ki m tra th c t

t i c s đào t o.

4. Ch u s ki m tra, thanh tra, giám sát c a B Giáo d c và Đào t o và các c quan ch c năng có th m quy n v kết quả ki m tra các điều ki n th c tế cu a các c s đào ta o.

Đi u 10. Trách nhi m c a c s đào t o

1. Các c s đào ta o đăng ký m ngành đào ta o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng có trách nhi m:

a) Đ m b o tính trung th c, chính xác c a h s đăng ký m ngành đào ta o;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin khi đoàn ki m tra yêu cầu;

c) T ch c t ki m tra, thanh tra theo quy đ nh c a pháp lu t và ch u s ki m tra, thanh tra, giám sát c a B Giáo d c và Đào t o và các c quan ch c năng có th m quy n v các đi u ki n đ m b o ch t l ng đào t o các ngành trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng c a c s đào ta o;

d) Th tr ng c s đào t o ch u trách nhi m v ca c đi u ki n ba o đ m ch t l ng cho ho t đ ng đào t o tri nh đô đa i ho c, tri nh đô cao đă ng c a c s mình.

2. Các c s đào ta o đ c phép t th m đi nh ch ng trình đào ta o có trách nhi m th c hi n th m đ nh ch ng trình đào t o theo quy đ nh ta i Thông t này. Nếu trong quá trình th m đi nh vi pha m các quy đ nh ta i Thông t này, Bộ Giáo d c và Đào ta o sẽ chi đ nh mô t c s đào ta o khác th m đi nh la i ch ng trình đào ta o cu a c s đào ta o đó.

Đi u 11. Trách nhi m và quy n c a c s đào ta o đ c chi đ nh th m đi nh ch ng tri nh đào ta o

1. Th m đ nh ch ng trình đào t o trình đ đa i ho c, trình đ cao đă ng c a các c s đào t o theo quy đ nh ta i Thông t này khi đ c B Giáo d c và Đào t o chi đ nh.

2. Đ c quyền xem xét các hồ s , tài li u có liên quan đến vi c xây d ng ch ng trình đào ta o và đ c quyền yêu cầu c s đào ta o cung cấp các tài li u, thông tin liên quan.

3. Th c hi n th m đ nh khách quan, trung th c. Chi u trách nhi m vê kết quả th m đ nh ch ng trình đào t o.

4. Ch u s ki m tra, thanh tra, giám sát c a B Giáo d c và Đào t o và các c quan ch c năng có th m quy n v kết quả th m đ nh ch ng trình đào ta o.

5. Nếu trong quá trình th m đ nh, c s đào ta o đ c chi đ nh th m đ nh ch ng trình đào ta o cu a c s khác vì pha m các quy đ nh ta i Thông t này, B Giáo d c và Đào ta o sẽ đ ng vi c giao nhi m vụ th m đ nh ch ng trình đào ta o.

Đ u 12. Trách nhi m c a các đ n v thu c B Giáo d c và Đào t o

V Giáo d c Đ i h c ch trì, ph i h p v i V K ho ch – Tài chính, Cu c Kha o thí và ki m đ nh chất l ng đào ta o và các đ n v liên quan:

1. T ch c xem xét hồ s và các đ u ki n đăng ký m ng ngành đào ta o trình đ đa i ho c, trình đ cao đ ng cu a các c s đào ta o.

2. Ch đ o, h ng đ n, ki m tra, giám sát vi c tri n khai th c hi n nhi m v đào t o ngành trình đ đa i ho c, trình đ cao đ ng theo k ho ch, đ m b o ch t l ng.

3. Ch đ o, h ng đ n, ki m tra, giám sát vi c ki m tra và xác nh n cu a các s giáo d c và đào ta o, vi c th m đ nh ch ng trình đào ta o cu a các c s đào ta o đ c chi đ nh làm nhi m vụ th m đ nh ho c t th m đ nh ch ng trình đào ta o.

Đ u 13. Hi u l c thi hành

1. Thông t này có hi u lực thi hành kể t ngày 03 tháng 4 năm 2011.
2. Bãi bỏ Điều 17 Điều lệ trường cao đẳng, ban hành kèm theo Thông t số 14/2009/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo d và Đào tạo.
3. Các quy định khác trái với Thông t này đều bị bãi bỏ.

Đ u 14. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo d Đại học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo d và Đào tạo, các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng, sở giáo d và đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông t này.

N i nh n:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;

- UBVHGDTNTN& NĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan tra vấn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Kế toán Nhà nước;
- Công báo;
- Nghị Định 14 (đề thi cũn);
- Lưu:VT, V PC, V GDĐH.

BỘ TRƯỞNG

Ph m Vũ Lu n

